

Số: /BC-UBND

Kiến Thụy, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trọng tâm là Thông báo kết luận số 07-TB/CQTTBCĐ, ngày 15/10/2025 của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Thông báo kết luận số 47-TB/TGV, ngày 17/10/2025 của Tổ Giúp việc

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy tại Công văn số 237-CV/ĐU ngày 04/11/2025 về việc báo cáo kết quả thực hiện Thông báo kết luận số 07-TB/CQTTBCĐ của Cơ quan Thường trực và Thông báo kết luận số 47-TB/TGV của Tổ giúp việc Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Ủy ban nhân dân xã báo cáo cụ thể như sau:

A. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy đã ban hành các quyết định và kế hoạch liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số¹, nêu rõ nhiệm vụ, cơ quan/người chủ trì, thời hạn hoàn thành, kết quả/sản phẩm và trách nhiệm để bảo đảm triển khai đồng bộ trong 6 tháng cuối năm 2025 và thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (gửi kèm theo Phụ lục phân công nhiệm vụ).

B. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính và chuyển đổi số theo chỉ đạo của Thành phố và Sở Khoa học và Công nghệ. Qua đó, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu cơ bản đạt tiến độ: sản xuất nông nghiệp duy trì ổn định, nuôi trồng thủy sản phát triển khá; thu ngân sách đạt trên 76% kế hoạch năm; công tác quy hoạch, xây dựng nông thôn mới nâng cao được triển khai đúng định hướng. Lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được cải thiện. Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số được coi trọng:

¹ Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 về việc thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Quyết định 649/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Kế hoạch 42/KH-UBND ngày 27/8/2025 về việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước xã giai đoạn 6 tháng cuối 2025; Kế hoạch 78/KH-UBND ngày 29/9/2025 về việc thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành và triển khai Kế hoạch cải cách hành chính 06 tháng cuối năm 2025² và tổ chức thực hiện³, thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số, Đề án 06 và cải cách hành chính⁴ để thống nhất chỉ đạo, điều hành. Thành lập các Tổ phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Hệ thống Trung tâm Phục vụ hành chính công được đầu tư nâng cấp, trang bị hiện đại; 100% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của xã được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn đạt trên 99%.

- Công tác số hóa hồ sơ, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tài khoản VNeID được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Đã triển khai các phong trào “Bình dân học vụ số”⁵, “Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”⁶, tổ chức tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, công chức và người dân sử dụng các ứng dụng số cơ bản.

- Công tác xây dựng tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng quy định. Việc giao biên chế, sắp xếp đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập được hoàn thành đúng thời hạn; đội ngũ cán bộ cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

2. Thống kê các nhiệm vụ thực hiện theo 08 văn bản⁷

Tổng số nhiệm vụ được giao và hoàn thành trong giai đoạn 2 là 92/92 nhiệm vụ, cụ thể:

- + Đảng ủy xã là 18/18 nhiệm vụ
- + Hội đồng nhân dân xã là 17/17 nhiệm vụ
- + Ủy ban nhân dân xã là 34/34 nhiệm vụ
- + Ủy ban MTTQVN xã là 23/23 nhiệm vụ

(Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng thực hiện nhiệm vụ)

² Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 30/7/2025

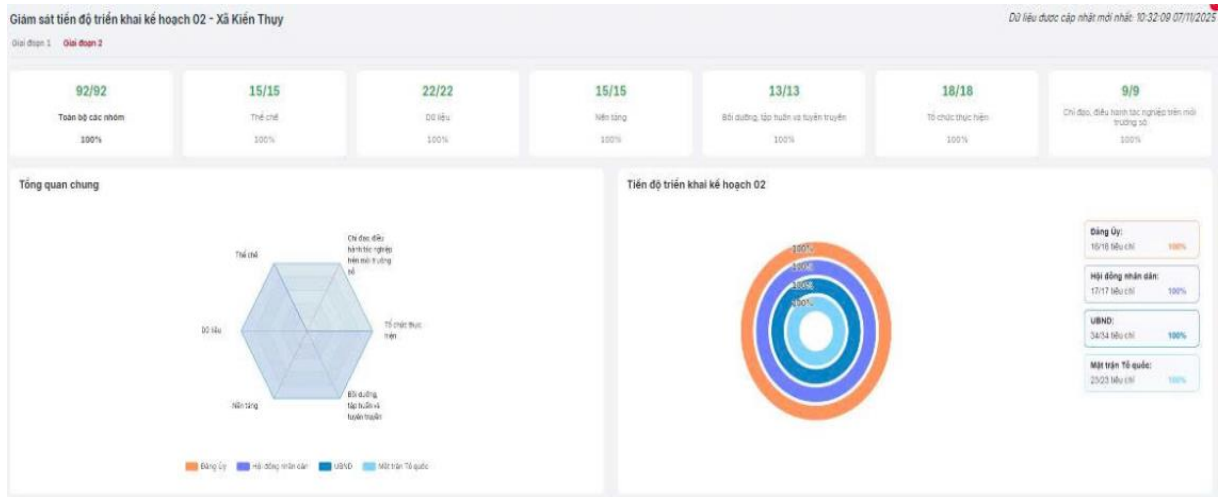
³ Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 31/7/2025, Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 28/8/2025, Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 05/11/2025

⁴ Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 31/7/2025

⁵ Công văn số 793/UBND-VHXXH ngày 11/9/2025, Công văn số 1100/UBND-VHXXH ngày 07/10/2025

⁶ Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 10/9/2025, Công văn số 977/UBND-VHXXH ngày 25/9/2025, Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 26/9/2025, Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 29/9/2025,

⁷ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 Quy định số 05-QĐ/BCĐTW, ngày 27/8/2025; Thông báo số 06-TB/CQTTCĐ ngày 27/9/2025; Thông báo số 44-TB/TGV, ngày 12/9/2025; Thông báo số 45-TB/TGV, ngày 30/09/2025; Thông báo số 46-TB/TGV, ngày 30/09/2025; Thông báo số 07-TB/CQTTCĐ, ngày 15/10/2025; Thông báo số 47-TB/TGV, ngày 17/10/2025



Hình 1. Tổng thể kết quả thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2 của xã Kiến Thụy

a. Đảng ủy xã

STT	Tiêu chí	Kết quả, minh chứng
1. Về thể chế		
1	1.1. Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai của Đảng ủy: Đảng ủy xã đã ban hành nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch hành động hoặc chương trình hành động để lãnh đạo thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch 02-KH/BCĐTW về chuyển đổi số tại địa phương	Quyết định số 105-QĐ/ĐU, ngày 08/7/2025; Kế hoạch số 31-KH/ĐU, ngày 26/9/2025 của Ban Thường vụ xã về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
2	1.2. Đảng ủy xã có lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số vào một trong các nghị quyết sau đây không: Nghị quyết của Đảng bộ xã về phát triển kinh tế – xã hội năm 2025 hoặc Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025 - 2030 hoặc nghị quyết chuyên đề có liên quan?	Có (Nghị quyết 04-NQ/ĐH, ngày 14/8/2025)
2. Về dữ liệu		
3	2.1. Cơ quan đã sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức phục vụ công tác tổ chức, nhân sự trong cơ quan Đảng chưa (theo đơn vị hành chính mới)?	Phần mềm Cơ sở dữ liệu đảng viên do Ban Tổ chức Trung ương triển khai, hiện đang được sử dụng hiệu quả, cập nhật đầy đủ, đúng thời gian
4	2.2. Các văn bản chỉ đạo, thông báo của Đảng ủy xã được ban hành dưới dạng điện tử (có ký số) và gửi nhận qua hệ thống quản lý văn bản điện tử	100% văn bản được ban hành dưới dạng điện tử được ký số và gửi nhận trên hệ thống quản lý văn bản (hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng và địa chỉ dhtn.dcs.vn)

5	2.3. Đảng ủy xã đã triển khai cho đảng viên trong Đảng bộ xã sử dụng “Sổ tay Đảng viên điện tử” theo hướng dẫn của cấp trên chưa? (Đang thí điểm, không tính vào tỉ lệ hoàn thành)	Phần mềm Sổ tay Đảng viên điện tử do Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Tổ chức Trung ương triển khai. 100% đảng viên đã cài đặt ứng dụng trên điện thoại; đang chờ hướng dẫn và tập huấn sử dụng phần mềm
6	2.4. Đảng ủy xã đã sử dụng Phần mềm Theo dõi tiến trình Đại hội đảng bộ các cấp tại địa chỉ https://tientrinhdaihoi.dcs.vn/ . Vui lòng chọn một trong các phương án sau:	Sử dụng đầy đủ và thường xuyên
3. Về nền tảng		
7	3.1. Đảng ủy xã có được trang bị phương tiện để tham gia các cuộc họp trực tuyến do cấp trên tổ chức (ví dụ: Hội nghị trực tuyến quán triệt Nghị quyết 57, tập huấn chuyển đổi số):	Đã trang bị Phòng họp trực tuyến tại Trụ sở Đảng ủy xã (Hội nghị truyền hình), sử dụng ổn định. 100% cuộc họp có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến theo yêu cầu
8	3.2. Đảng ủy xã có sử dụng các nền tảng số chung (như mạng nội bộ của Đảng, hệ thống thư điện tử nội bộ) để nhận chỉ đạo, gửi báo cáo giữa Đảng ủy xã với tỉnh ủy	Có (hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng địa chỉ dhtn.dcs.vn , thư công vụ mail.haiphong.gov.vn)
4. Về bồi dưỡng, tập huấn và tuyên truyền		
9	4.1. Quán triệt trong Đảng viên: Đảng ủy xã đã tổ chức hội nghị quán triệt, phổ biến nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW và Kế hoạch 02 tới toàn thể đảng viên trong Đảng bộ xã chưa?	Có (Ngày 08/10/2025, tổ chức tại Hội trường Trung tâm chính trị xã với sự tham gia của 90% Đảng viên)
10	4.2. Đảng ủy xã có văn bản chỉ đạo hoặc thông báo kết luận yêu cầu các tổ chức đoàn thể, MTTQ và UBND xã tích cực tham gia triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số hay không?	Có (Thông báo 19-TB/ĐU, ngày 04/8/2025; Thông báo số 51-TB/ĐU, ngày 30/9/2025)
11	4.3. Đảng ủy xã đã chỉ đạo đưa nội dung chuyển đổi số vào sinh hoạt chi bộ tại các thôn/xóm chưa?	Đã chỉ đạo và các chi bộ thôn/xóm đã triển khai thực hiện
5. Về tổ chức thực hiện		
12	5.1. Phân công phụ trách: Đảng ủy xã có phân công một đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ hoặc cấp ủy viên phụ trách trực tiếp công tác chuyển đổi số của địa phương không?	Có. Đồng chí Nguyễn Thị Hồng Vân, UV BCH Đảng bộ, Phó Chủ tịch UBND xã
13	5.2. Đảng ủy (hoặc Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy) xã đã đưa nội dung chuyển đổi số vào chương trình kiểm tra, giám sát năm 2025 đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên?	Có. Kiểm tra định kỳ
14	5.3. Sinh hoạt định kỳ: Ban Thường vụ Đảng ủy xã có định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo về tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số ở xã.	Có. Hằng quý

15	5.4. Đánh giá cán bộ: Đảng ủy xã có coi kết quả thực hiện chuyển đổi số là một tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên cuối năm 2025 tại địa phương không?	Có. Hoàn thành $\geq 90\%$ nhiệm vụ chuyển đổi số $\rightarrow$ đạt mức “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Không hoàn thành hoặc thực hiện hình thức $\rightarrow$ hạ bậc xếp loại. Đảm bảo tiêu chí đánh giá có thang đo cụ thể, tránh hình thức, để tạo động lực cho cán bộ, đảng viên.
16	5.5. Trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy: Bí thư Đảng ủy xã có cam kết chịu trách nhiệm trực tiếp về việc chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương mình không?	Chưa có văn bản cam kết, nhưng đã phát biểu chỉ đạo tại các cuộc họp/giao ban xã
6. Về việc chỉ đạo, điều hành tác nghiệp trên môi trường số		
17	Đã triển khai việc chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại địa phương chưa?	Đã triển khai Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan đảng (https://dhtn.dcs.vn)
	(1) Tình hình triển khai các chức năng chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của cơ quan:	
	Hệ thống cho phép Lãnh đạo giao nhiệm vụ, chỉ đạo xử lý trực tiếp trên môi trường mạng	Có
	Hệ thống cho phép theo dõi tiến độ, tự động cảnh báo các nhiệm vụ sắp đến hạn, quá hạn	Có
	Hệ thống có chức năng thống kê, báo cáo về hiệu suất, năng suất xử lý công việc của cá nhân, đơn vị	Có
18	(2) Việc ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị dựa trên kết quả theo dõi, thống kê từ hệ thống.	Đã ban hành và áp dụng

b. Hội đồng nhân dân xã

STT	Tiêu chí đáng giá	Kết quả, minh chứng
1. Về thể chế		
1	1.1. Nghị quyết HĐND: HĐND xã đã đưa nội dung chuyển đổi số vào nghị quyết của HĐND về phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương năm 2025	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 28/7/2025
2	1.2. Ban hành văn bản giám sát: HĐND xã hoặc Thường trực HĐND đã ban hành nghị quyết, quyết định hoặc kế hoạch giám sát chuyên đề về việc thực hiện chuyển đổi số tại xã	Quyết định số 10/QĐ-HĐND ngày 10/10/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kiến Thụy
3	1.3. Chất vấn và thảo luận: Tại kỳ họp HĐND xã gần nhất, các đại biểu HĐND có chất vấn hoặc thảo luận về kết quả triển khai chuyển đổi số ở xã	Thảo luận về tình hình, tiến độ triển khai công tác chuyển đổi số ở xã, những khó khăn, vướng mắc
2. Về dữ liệu		
4	2.1. Danh sách và tiểu sử của đại biểu HĐND xã (đặc biệt nếu có thay đổi do sáp nhập đơn vị hành chính)	Có

	đã được cập nhật trên cổng/trang thông tin điện tử của xã hoặc hệ thống quản lý đại biểu của HĐND cấp trên	
	a) Hệ thống/phần mềm đang sử dụng là	Cổng thông tin điện tử xã Kiến Thụy
	b) Phần mềm do cơ quan nào triển khai/cung cấp?	Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng
	c) Việc cập nhật được thực hiện	Thường xuyên
	d) Xác nhận tình trạng cập nhật	Danh sách và tiêu sử đại biểu đã được cập nhật đầy đủ, chính xác
5	2.2. Hệ thống thông tin HĐND: HĐND xã có được cấp quyền sử dụng hệ thống thông tin quản lý kỳ họp, tài liệu (không giấy) hoặc ứng dụng nào phục vụ hoạt động của HĐND	Có
	a) Tên hệ thống/ứng dụng đang sử dụng	Quản lý văn bản, zalo, mã QR
	b) Cơ quan triển khai/cung cấp hệ thống	VNPT
	c) Tình trạng cập nhật, sử dụng hệ thống	Thường xuyên, đầy đủ
3. Về nền tảng		
6	3.1. Tài liệu điện tử: Thường trực HĐND và các Ban HĐND xã nhận tài liệu kỳ họp, báo cáo từ UBND xã dưới dạng điện tử (qua email, phần mềm quản lý văn bản) hay văn bằng văn bản giấy	Chủ yếu qua văn bản điện tử (email công vụ, phần mềm quản lý văn bản...) chiếm 94%
7	3.2. Họp trực tuyến: HĐND xã có triển khai họp, trao đổi công việc qua hình thức trực tuyến (ví dụ họp Ban HĐND qua zoom, zalo...) khi cần	Có. Tỷ lệ các cuộc họp được cơ quan tổ chức bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến trên tổng số các cuộc họp đã diễn ra là 90%
8	3.3. Cổng thông tin HĐND: Thông tin về hoạt động HĐND xã (nghị quyết, kết luận, lịch tiếp xúc cử tri...) có được cập nhật công khai trên cổng thông tin điện tử của xã	Có, đã đăng tải đầy đủ nghị quyết, tài liệu HĐND trên trang thông tin xã tại địa chỉ: https://kienthuy.haiphong.gov.vn
	3.4. Về việc chỉ đạo, điều hành tác nghiệp trên môi trường số	
9	Đã triển khai việc chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại địa phương chưa?	Đã triển khai và dùng chung với Hệ thống do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý (https://vpdt.hpnet.vn)
10	(1) Tình hình triển khai các chức năng chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của cơ quan	
	Hệ thống cho phép Lãnh đạo giao nhiệm vụ, chỉ đạo xử lý trực tiếp trên môi trường mạng	Có
	Hệ thống cho phép theo dõi tiến độ, tự động cảnh báo các nhiệm vụ sắp đến hạn, quá hạn	Có
	Hệ thống có chức năng thống kê, báo cáo về hiệu suất, năng suất xử lý công việc của cá nhân, đơn vị	Có

11	(2) Việc ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị dựa trên kết quả theo dõi, thống kê từ hệ thống.	Đã ban hành và áp dụng
4. Về bồi dưỡng, tập huấn và tuyên truyền		
12	4.1. Trong các cuộc tiếp xúc cử tri, đại biểu HĐND xã có tuyên truyền, giải thích cho cử tri về chủ trương chuyển đổi số, về những thay đổi thủ tục hành chính sau sáp nhập và hướng dẫn cử tri thực hiện dịch vụ công trực tuyến	Có. Cài đặt sử dụng ứng dụng VNeID, thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia, ...
13	4.2. HĐND xã (thông qua các đại biểu) có tham gia vận động nhân dân hưởng ứng các chủ trương chuyển đổi số của địa phương	Lồng ghép trong hội nghị thôn, cuộc họp tổ dân phố với cử tri
5. Nhiệm vụ về tổ chức thực hiện		
14	5.1. Giám sát chuyên đề: HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội) có kế hoạch giám sát chuyên đề đối với công tác chuyển đổi số tại xã trong năm 2025	Kế hoạch số 25/KH-ĐGS ngày 22/10/2025 (Dự kiến thời gian thực hiện giám sát trong tháng 11/2025)
15	5.2. Thường trực HĐND theo dõi: Thường trực HĐND xã có yêu cầu UBND xã báo cáo định kỳ về tiến độ triển khai Kế hoạch 02 để theo dõi, đôn đốc	Hàng quý
16	5.3. Ngân sách cho chuyển đổi số: Khi phê duyệt dự toán ngân sách địa phương năm 2025, HĐND xã có bố trí kinh phí cho các hoạt động chuyển đổi số ở xã: Chọn 01 phương án	Bố trí ngân sách đầu tư cho Hệ thống truyền thanh không dây trên địa bàn thôn Úc Gián, Xuân Úc, Hòa Liễu. Tổng mức đầu tư là 540 triệu đồng
17	5.4. Phối hợp kiểm tra: Đại biểu HĐND xã có tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát do cấp trên (HĐND cấp huyện, Đoàn Đại biểu Quốc hội...) tổ chức về nội dung chuyển đổi số tại địa phương	Luôn sẵn sàng tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát do cấp trên (khi có yêu cầu)

c. Ủy ban nhân dân xã

STT	Tiêu chí đánh giá	Kết quả, minh chứng
1. Về thể chế		
1	1.1. UBND xã đã xây dựng và ban hành kế hoạch hoặc văn bản hướng dẫn chi tiết để triển khai Kế hoạch 02 tại địa phương	Công văn số 977/UBND-VHXX ngày 25/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy về việc thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 26/8/2025 của Ban Chỉ đạo thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức

		bộ máy của hệ thống chính trị đến hết năm 2025
2	1.2. UBND xã đã rà soát và niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của xã sau khi sắp xếp đơn vị hành chính mới	Niêm yết đầy đủ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Kiến Thụy và trên Cổng thông tin điện tử của xã (https://kienthuy.haiphong.gov.vn/cai-cach-hanh-chinh-chuyen-doi-so)
3	1.3. Mã định danh, tài khoản kho bạc, Chữ ký số và con dấu:	
	a) Con dấu mới của UBND xã:	Đã được cấp
	b) Chứng thư chữ ký số dành cho UBND xã	Đã được cấp
	Tỷ lệ Lãnh đạo được cấp được cấp chữ ký số cá nhân?	100%
	Tỷ lệ chuyên viên được cấp được cấp chữ ký số cá nhân?	31/36 = 86,1%
	Loại chữ ký số: USB Token/Sim điện thoại?	USB Token và Sim điện thoại (28 USB Token và 03 Sim-PKI)
	Tỷ lệ văn bản phát hành (chiều đi) được ký số điện tử của cơ quan, tổ chức trên tổng số văn bản phát hành	3413/3427=99,6%
	c) Tài khoản tại Kho bạc Nhà nước	Đã có
	d) Mã định danh điện tử của cơ quan UBND xã theo đơn vị hành chính mới	Đã được cấp (hoàn thành trong 7/2025)
4	1.4. Có kịch bản, phương án hướng dẫn hỗ trợ người dân yếu thế và xử lý các tình huống thường gặp:	Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 08/10/2025; Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 09/10/2025
5	1.5. UBND xã đã ban hành các quy định, quy chế liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành bộ máy, cải cách hành chính và chuyển đổi số trong hệ thống chính trị hiện nay:	Quyết định thành lập và Quy chế hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã Quy chế làm việc của UBND xã/ uy chế quản lý, sử dụng văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường điện tử Quy chế tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân. Quy chế phối hợp giữa UBND xã với HĐND, Đảng ủy, Mặt trận và các đoàn thể xã. Quy chế bảo đảm an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu tại UBND xã.

2. Về dữ liệu		
6	2.1. UBND xã thường xuyên khai thác được thông tin từ các CSDL quốc gia (như: CSDL Quốc gia về Dân cư, Hộ tịch...) qua hệ thống phần mềm hiện hành để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân không?	Có, sử dụng ổn định, thông suốt qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (https://motcua.thanhphohai phong.gov.vn)
7	2.2. UBND xã đang sử dụng các hệ thống CNTT. Đánh dấu các hệ thống hiện có:	
8	2.2.1. Hệ thống thư điện tử công vụ của Tỉnh	Triển khai đầy đủ đến cán bộ, công chức (https://mail.haiphong.gov.vn)
9	2.2.2. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Dùng chung với Ủy ban nhân dân thành phố (https://vpdt.hpnet.vn)
10	2.2.3. Hệ thống hội nghị trực tuyến	Hệ thống Hội nghị truyền hình để kết nối, triển khai các hội nghị trực tuyến từ Trung ương đến địa phương
11	2.2.4. Hệ thống quản lý phản ánh, kiến nghị trực tuyến	Dùng chung với Ủy ban nhân dân thành phố qua Cổng thông tin 1022 (https://xulyphananhkiennghi.haiphong.gov.vn)
12	2.2.5. Hệ thống giám sát, phản biện xã hội	Được triển khai bằng nhiều hình thức: Cổng thông tin điện tử xã, Trang Fanpage chính thức của xã, Hội nhóm trên mạng xã hội
13	2.2.6. Trang thông tin điện tử / cổng thông tin UBND xã	https://kienthuy.haiphong.gov.vn
14	2.2.7. Các hệ thống khác (ghi rõ):	Quản lý hộ tịch, quản lý cán bộ công chức, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về đất đai
15	2.3. UBND xã đã cập nhật danh sách, thông tin và hồ sơ cán bộ, công chức của xã lên phần mềm quản lý nhân sự dùng chung do tỉnh (hoặc Trung ương) triển khai chưa?	Đã cập nhật đầy đủ và thường xuyên 100% lên hệ thống dùng chung của thành phố (https://haiphong.qlcb.vn)
16	2.4. UBND xã hiện nay xử lý và lưu trữ hồ sơ, tài liệu công việc chủ yếu bằng hình thức nào? Ước tính tỷ lệ (%) văn bản được xử lý và lưu hoàn toàn trên phần mềm (không in ra giấy, không lưu hồ sơ bản giấy song song)	Chủ yếu bằng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp (https://vpdt.hpnet.vn), hồ sơ điện tử lưu trữ theo quy định. 90% văn bản được xử lý và lưu trữ hoàn toàn trên phần mềm (

		không in ra giấy, không lưu hồ sơ bản giấy song song)
17	2.5. Tại xã, kết quả giải quyết thủ tục hành chính sau khi được tiếp nhận và xử lý có được đồng bộ, cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính không?	100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính sau khi được tiếp nhận và xử lý có được đồng bộ, cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (https://motcua.thanhphohai phong.gov.vn)
3. Về nền tảng		
18	3.1. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC hoặc Hệ thống Một cửa điện tử đã kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia.	100% hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được đồng bộ lên Cổng dịch vụ công Quốc gia
19	3.2. Về mức độ sẵn sàng của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC:	
	a) Mức độ sẵn sàng của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương trong việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đối với 100% TTHC thuộc thẩm quyền?	Đã sẵn sàng tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đối với 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
	b) Tình hình và mức độ sẵn sàng của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trong việc tiếp nhận, xử lý đối với các TTHC được phân cấp, ủy quyền từ các Bộ, ngành Trung ương?	Đã sẵn sàng tiếp nhận, xử lý 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được phân cấp, ủy quyền.
20	3.3. Sử dụng Hệ thống nội bộ	
	a) UBND xã có xử lý tất cả văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật)	100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử
	b) UBND xã có được trang bị và sử dụng hệ thống họp trực tuyến để tham gia các cuộc họp chỉ đạo, điều hành với cấp trên theo mô hình mới không?	100% cuộc họp có thể triển khai trên Hệ thống Hội nghị truyền hình đảm bảo chất lượng và ổn định
21	3.4. Đảm bảo an toàn thông tin:	
	a) UBND xã đã triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống CNTT của xã.	Có (Hệ thống họp trực tuyến trên đường dữ liệu chuyên dùng, cài đặt tường lửa bảo vệ hệ thống internet và phần mềm diệt vi-rút bản quyền cho máy tính trong hệ thống mạng nội bộ). Thiết lập mạng nội bộ phục vụ công vụ và mạng công khai phục vụ người dân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
	b) Phân công cán bộ phụ trách an ninh mạng của xã:	Bố trí 01 đồng chí phụ trách an ninh mạng, công nghệ thông tin và chuyển đổi số

4. Về bồi dưỡng, tập huấn và tuyên truyền		
22	4.1. UBND xã đã tổ chức quán triệt, tập huấn cho cán bộ, công chức của xã về các quy trình nghiệp vụ mới và kỹ năng vận hành hệ thống mới sau sáp nhập:	Tổ chức quán triệt, tập huấn cho 100% cán bộ, công chức của xã về các quy trình nghiệp vụ mới và kỹ năng vận hành hệ thống mới sau sáp nhập (28 buổi, chủ yếu là hình thức trực tuyến)
23	4.2. Thông báo đến người dân: UBND xã đã tổ chức bao nhiêu đợt thông tin tuyên truyền để hướng dẫn người dân về những thay đổi thủ tục hành chính sau sáp nhập và cách thức sử dụng dịch vụ công trực tuyến:	Tổ chức các buổi tuyên truyền, hướng dẫn người dân về những thay đổi thủ tục hành chính sau sáp nhập và cách thức sử dụng dịch vụ công trực tuyến bằng các hình thức: Băng-rôn, bài nói trên Hệ thống truyền thanh; bài viết trên Cổng thông tin điện tử xã, trang Fanpage; hướng dẫn của cán bộ, công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, của tổ công nghệ số cộng đồng thôn, đội ngũ đoàn thanh niên, ...
24	4.3. Xã có sử dụng hệ thống truyền thanh cơ sở (loa phát thanh) để thường xuyên thông báo, hướng dẫn người dân về dịch vụ công trực tuyến, sử dụng ứng dụng số....:	Có
	a) Tần suất phát thông báo nội dung này: lần/tuần (trung bình)	Hàng ngày
	b) Một số nội dung tuyên truyền điển hình:	Hướng dẫn sử dụng Cổng dịch vụ công Cài đặt và sử dụng VNeID Cảnh báo lừa đảo qua mạng, giả mạo cơ quan nhà nước
25	4.4. UBND xã có triển khai phương án “phục vụ tại chỗ, trọn gói” để hỗ trợ người dân yếu thế (ví dụ: Người cao tuổi, người khuyết tật, người dân vùng sâu, vùng xa không có Internet/điện thoại thông minh, chưa có VNeID) thực hiện thủ tục hành chính sau sáp nhập:	Có
	a) Số trường hợp đã được hỗ trợ theo phương án này: người	58
	b) Các hình thức hỗ trợ chủ yếu:	Hỗ trợ kê khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công Cấp phát tờ khai, tài liệu hướng dẫn in sẵn Cán bộ đến tận nhà hướng dẫn/nghiệp vụ Hướng dẫn của các thành

		viên Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên
5. Về tổ chức thực hiện		
26	5.1. UBND xã đã thành lập Ban Chỉ đạo hoặc Tổ công tác chuyển đổi số cấp xã để chỉ đạo thống nhất các nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương:	1. Trưởng ban chỉ đạo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. 2. Phó Trưởng ban Thường trực: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Phụ trách lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đề án 06/CP và cải cách hành chính. 3. Phó Trưởng Ban chỉ đạo: - Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội; - Trưởng Công an xã; 4. Các thành viên Ban chỉ đạo: - Trưởng phòng Kinh tế; - Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; - Giám đốc Trung tâm Sự nghiệp công; - Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự; - Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Phó Trưởng Công an xã phụ trách Đề án 06/CP; - Chuyên viên phụ trách Chuyển đổi số; - Chuyên viên phụ trách Cải cách hành chính; - Trưởng các thôn.
27	5.2. Đội hỗ trợ phản ứng nhanh: UBND xã đã thành lập “Đội hỗ trợ chuyển đổi số phản ứng nhanh” (hay còn gọi là Tổ ứng cứu công nghệ) để kịp thời hỗ trợ cán bộ và người dân trong quá trình chuyển đổi số ở xã:	839/QĐ-UBND ngày 08/10/2025
28	5.3. Tổ công nghệ số cộng đồng: UBND xã đã thành lập hay kiện toàn các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn/bản trên địa bàn:	Có
	Nếu Có, nêu số lượng tổ	19
	Nêu tổng số thành viên tham gia	114

29	5.4. Hoạt động của Tổ Ứng cứu công nghệ tại xã	
	a) Số lượt người dân được Tổ ứng cứu hỗ trợ trong quá trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến: lượt.	121
	b) Dạng hỗ trợ phổ biến nhất (chọn hoặc ghi rõ):	Hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến
	c) Số lượng sự cố kỹ thuật phát sinh (liên quan đến mạng, phần mềm, CSDL, v.v.): sự cố	0
	d) Số lượng sự cố đã được xử lý kịp thời: sự cố	0
30	5.5. Khi xảy ra sự cố CNTT, xã có thực hiện đúng quy trình báo cáo nhanh qua kênh liên lạc (nhóm chat Zalo, đường dây nóng, ứng dụng) để nhận hỗ trợ từ tổ công tác cấp trên không?	Khi có sự cố xảy ra, cán bộ đầu mối CNTT của xã có báo cáo nhanh qua Zalo của nhóm CNTT, chuyển đổi số của thành phố và các xã phường, sau đó gọi điện trực tiếp cán bộ đầu mối của sở để hướng dẫn xử lý.
31	5.6. Trách nhiệm người đứng đầu: Chủ tịch UBND xã có cam kết chịu trách nhiệm trước cấp trên về tiến độ, chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số ở địa phương:	Tuyên bố tại cuộc họp
32	5.7. Trong năm 2025, UBND xã đã chủ động tham mưu bố trí kinh phí cho chuyển đổi số chưa?	Có, 570 triệu đồng (chiếm 0,15%)
6. Về việc chỉ đạo, điều hành tác nghiệp trên môi trường số		
33	(1) Tình hình triển khai các chức năng chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của cơ quan:	Hệ thống cho phép Lãnh đạo giao nhiệm vụ, chỉ đạo xử lý trực tiếp trên môi trường mạng; Hệ thống cho phép theo dõi tiến độ, tự động cảnh báo các nhiệm vụ sắp đến hạn, quá hạn; Hệ thống có chức năng thống kê, báo cáo về hiệu suất, năng suất xử lý công việc của cá nhân, đơn vị
34	(2) Việc ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị dựa trên kết quả theo dõi, thống kê từ hệ thống.	Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 08/10/2025

d. Ủy ban MTTQVN xã

ST T	Tiêu chí đánh giá	Kết quả, minh chứng
1. Về thể chế		
1	1.1. Ủy ban MTTQ Việt Nam xã đã ban hành kế hoạch hoặc hướng dẫn để thực hiện nhiệm vụ giám sát, vận động nhân dân tham gia chuyển đổi số tại địa phương theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương.	Kế hoạch tuyên truyền Nghị quyết số 57; Kế hoạch về việc giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị

2	1.2. MTTQ xã có ký kết hoặc ban hành văn bản phối hợp với UBND xã và các tổ chức thành viên (như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân...) về việc triển khai các hoạt động chuyển đổi số ở cơ sở không?	Kế hoạch số 08 ngày 28/8/2025 về việc triển khai thực hiện Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025-2030” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Kiến Thụy; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
2. Về dữ liệu		
3	2.1. Đơn vị đang sử dụng các hệ thống CNTT nào? (Đánh dấu các hệ thống hiện có)	
	2.1.1. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Đã triển khai, dùng chung với Thành phố
	2.1.2. Hệ thống tổng hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân	Đã triển khai, dùng chung với Thành phố
	2.1.3. Hệ thống quản lý đoàn viên, hội viên các tổ chức thành viên	Đã triển khai, dùng chung với Thành phố
	2.1.4. Hệ thống quản lý phản ánh, kiến nghị trực tuyến	Đã triển khai, dùng chung với Thành phố
	2.1.5. Hệ thống giám sát, phản biện xã hội	Đã triển khai, dùng chung với Thành phố
	2.1.6. Trang thông tin điện tử / cổng thông tin MTTQ xã	Dùng chung hệ thống Cổng thông tin điện tử xã (https://kienthuy.haiphong.gov.vn)
	2.1.7. Các hệ thống khác (ghi rõ)	Các phần mềm chuyên dùng khác như MISA, ..., sử dụng ổn định
4	2.2. MTTQ xã và các tổ chức đoàn thể có cập nhật danh sách đoàn viên, hội viên vào hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung (do MTTQ cấp trên triển khai)	Có
	a) Tỷ lệ đoàn viên, hội viên đã cập nhật vào hệ thống	85%
	b) Phần mềm/hệ thống đang sử dụng là gì?	Trên hệ App mặt trận số và các tổ chức chính trị xã hội
	c) Phần mềm/hệ thống do cơ quan nào triển khai/cung cấp?	Do MTTQ thành phố triển khai
	d) Việc cập nhật dữ liệu vào hệ thống được thực hiện	Thường xuyên, định kỳ
5	2.3. MTTQ xã có thiết lập kênh thông tin (như hòm thư góp ý, đường dây nóng, nhóm Zalo) để tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của nhân dân về những vướng mắc trong thực hiện thủ tục hành chính và chuyển đổi số	Có

6	a) Các hình thức/kênh tiếp nhận hiện đang sử dụng	Nhóm Zalo/Facebook/Fanpag
7	b) Tần suất rà soát, xử lý phản ánh	Hàng ngày
8	c) Số lượng phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận	0
	Trong tháng gần nhất có bao nhiêu phản ánh?	0
	Trong quý gần nhất có bao nhiêu phản ánh?	0
3. Về nền tảng		
9	3.1. MTTQ xã đã thực hiện rà soát, đánh giá thực trạng hạ tầng công nghệ thông tin (máy tính, kết nối Internet...) phục vụ công tác Mặt trận tại xã chưa?	Đã cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc
10	3.2. MTTQ xã có kế hoạch hoặc đề xuất trang bị, nâng cấp thiết bị và phần mềm để phục vụ công tác giám sát, phản biện, tổng hợp ý kiến nhân dân trên môi trường số	- Các máy tính, thiết bị mạng, ... Đã đầu tư khá lâu cần nâng cấp để đáp ứng yêu cầu trong thời gian tới - Xây dựng các hệ thống phần mềm chuyên biệt có kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông trong hệ thống cơ quan Mặt trận Tổ quốc
11	3.3. MTTQ xã và các đoàn thể có sử dụng ứng dụng CNTT nào để hỗ trợ công tác giám sát, phản biện xã hội và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân	Có, chủ yếu vẫn sử dụng các nền tảng mạng xã hội như: zalo, facebook, fanpag, ...
4. Về bồi dưỡng, tập huấn và tuyên truyền		
12	4.1. Tuyên truyền cho nhân dân: MTTQ xã (phối hợp cùng các đoàn thể) đã tổ chức bao nhiêu cuộc tuyên truyền, phổ biến tới nhân dân về chuyển đổi số?	
	a) Số cuộc	06
	b) Hình thức tuyên truyền đã thực hiện (tích chọn hoặc ghi rõ)	Họp dân, sinh hoạt thôn Lồng ghép trong sinh hoạt hội viên, đoàn viên Truyền thông qua mạng xã hội (Zalo, Facebook, nhóm dân cư...) MTTQ xã phối hợp công an xã tổ chức hội nghị tập huấn hướng dẫn trực tiếp trên điện thoại cách chuyển đổi số đối với các đồng chí Trưởng ban công tác MT các thôn, Ủy viên BCH các tổ chức chính trị, đại diện hội viên tiêu biểu.
13	4.2. Trong thời gian qua, MTTQ và các tổ chức đoàn thể ở xã đã tập trung tuyên truyền những nội dung chính nào liên quan đến chuyển đổi số?	Vận động cài đặt và sử dụng ứng dụng định danh điện tử VNeID Hướng dẫn người dân sử dụng Cổng dịch vụ công Cảnh báo các hình thức lừa đảo qua mạng, an ninh mạng

		cơ sở Hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt
14	4.3. MTTQ xã có huy động đoàn viên, hội viên của các tổ chức đoàn thể tham gia hỗ trợ người dân trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công trong quá trình nộp hồ sơ trực tuyến	Có, lực lượng chủ yếu: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... và số người tham gia.
15	4.4. Mô hình “Dân vận số”: MTTQ xã có triển khai mô hình nào sáng tạo trong công tác dân vận để thúc đẩy người dân hưởng ứng chuyển đổi số	Có, Thanh niên hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến
16	4.5. Thu thập ý kiến nhân dân: MTTQ xã có thu thập ý kiến phản ánh của nhân dân về chất lượng dịch vụ công trực tuyến, về thái độ phục vụ của cán bộ sau sáp nhập	Có, Thông qua hội nghị đối thoại
17	4.6. Phản hồi tới chính quyền: MTTQ xã có tổng hợp và phản ánh các kiến nghị, ý kiến của nhân dân liên quan đến chuyển đổi số tới UBND xã hoặc cấp trên	Có, việc giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến
5. Về tổ chức thực hiện		
18	5.1. Tham gia Ban Chỉ đạo: Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã (hoặc đại diện Mặt trận) có tham gia Ban Chỉ đạo/Tổ công tác chuyển đổi số của huyện hoặc của xã (nếu có tổ chức)	Có, vai trò ủy viên
19	5.2. MTTQ xã đã đưa nội dung giám sát việc thực hiện chuyển đổi số của chính quyền vào chương trình giám sát, phản biện xã hội năm 2025	Có, dự kiến thời gian thực hiện giám sát
20	5.3. MTTQ xã có thiết lập cơ chế để phối hợp cùng UBND xã giải quyết các vướng mắc, khiếu nại của người dân liên quan đến thủ tục hành chính, dịch vụ công sau sáp nhập	Có, Quy chế phối hợp giữa UBND xã với HĐND, Đảng ủy, Mặt trận và các đoàn thể xã.
21	6. Về việc chỉ đạo, điều hành tác nghiệp trên môi trường số	
	Đã triển khai việc chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại địa phương chưa?	Đã triển khai, dùng chung với Thành phố
22	(1) Tình hình triển khai các chức năng chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của cơ quan:	
	Hệ thống cho phép Lãnh đạo giao nhiệm vụ, chỉ đạo xử lý trực tiếp trên môi trường mạng:	Có
	Hệ thống cho phép theo dõi tiến độ, tự động cảnh báo các nhiệm vụ sắp đến hạn, quá hạn	Có
	Hệ thống có chức năng thống kê, báo cáo về hiệu suất, năng suất xử lý công việc của cá nhân, đơn vị	Có
23	(2) Việc ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị dựa trên kết quả theo dõi, thống kê từ hệ thống.	Đã ban hành và áp dụng

3. Về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số: trong kỳ, Ủy ban nhân dân xã không nhận được kiến nghị, sáng kiến, giải pháp nào.

II. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Tình hình, kết quả thực hiện

(1) Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chương trình, kế hoạch của Ban Chỉ đạo, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(2) Căn cứ các quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân xã đã chủ động rà soát, đánh giá, hoàn thiện cơ chế, chính sách, bảo đảm tiến độ và hiệu quả thực chất theo quy định.

(3) Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, qua đó chọn lọc, tiếp thu nhằm thực hiện hiệu quả.

- Đến thời điểm báo cáo, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành theo thẩm quyền 53 văn bản về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó có một số văn bản như: Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 thành lập Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 ban hành Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 27/8/2025 về việc ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước xã Kiến Thụy giai đoạn 6 tháng cuối năm 2025; Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 8/10/2025 về việc thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng thôn trên địa bàn xã Kiến Thụy; Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 về việc thành lập Tổ ứng cứu công nghệ xã Kiến Thụy; Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 về việc ban hành Phương án kích bản hỗ trợ người dân yếu thế và xử lý tình huống thường gặp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Kiến Thụy.

- Từ nay đến hết năm 2025, Ủy ban nhân dân xã tiếp tục ban hành các văn bản theo chỉ đạo của Trung ương và Thành phố.

- Các văn bản tổ chức thực hiện, phân công nhiệm vụ đã được ban hành và thông báo rộng rãi. Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện việc quán triệt, tuyên truyền rộng rãi trong toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, các thôn và nhân dân trên địa bàn nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chuyển đổi số nói chung và các nội dung trọng tâm phải thực hiện trong thời gian tới; địa phương xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, chỉ đạo thực hiện rà soát các quy định hiện hành; cập nhật, bổ sung để phù hợp với yêu cầu về khoa học và công nghệ trong tình hình mới.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Trong bối cảnh thay đổi mô hình tổ chức chính quyền địa phương (mô hình chính quyền 2 cấp), việc phân cấp, chuyển giao thẩm quyền và khối lượng công việc gây ra quá tải và lúng túng ban đầu nên một số văn bản ban hành chưa đảm bảo tiến độ.

III. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

1. Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Thông báo số 06-TB/CQTTBCĐ (an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu), Thông báo số 44-TB/TGV, ngày 12/9/2025 (tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu) và Thông báo số 46-TB/TGV, ngày 30/9/2025

a. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ, tiện ích

- Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công phối hợp cùng các phòng chuyên môn thường xuyên rà soát niểm yết công khai thủ tục hành chính, theo các quyết định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã và thành phố; các thủ tục hành chính phi địa giới hành chính của các Sở ban ngành thành phố.

Hiện nay tổng số thủ tục hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố cung cấp giải quyết trên hệ thống <https://motcua.thanhphohaiphong.gov.vn> của thành phố là 368 thủ tục hành chính, trong đó: dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 210, dịch vụ công trực tuyến một phần là 137, chưa cung cấp dịch vụ công toàn trình là 21. Theo Quyết định 3606/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cắt giảm đã cắt giảm trên 50% thời gian đối với 269 thủ tục hành chính, có 08 thủ tục hành chính cắt giảm nhỏ hơn 50%, 36 thủ tục hành chính không thực hiện cắt giảm đối với thủ tục hành chính của xã.

Thực hiện Chỉ thị 24/CT-TTg ngày 13/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ người dân và doanh nghiệp gắn với dữ liệu dân cư, định danh xác xác thực điện tử, từ ngày 01/10/2025 đã triển khai thực hiện đồng bộ 25 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và không thu thành phần hồ giấy đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã (*Đăng ký khai sinh ; Đăng ký khai tử; Đăng ký kết hôn ; Liên thông đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; Liên thông đăng ký khai tử – Xóa đăng ký thường trú – Trợ cấp mai táng phí*).

- Đã triển khai 358/378 thủ tục hành chính là DVCTT (**tỷ lệ 94,71%**), trong đó có 220 DVCTT toàn trình, 138 DVCTT một phần. Đã có 35/378 DVCTT có phát sinh hồ sơ (**tỷ lệ 9,78%**) với 5.796/6.576 hồ sơ DVCTT đã tiếp nhận và giải quyết (**tỷ lệ 88,14%**), trong đó: DVCTT toàn trình là 1.839 hồ sơ, DVCTT một phần là 3.957 hồ sơ.

- Xử lý trực tuyến 100% hồ sơ trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố. Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 20/11/2025 đã tiếp nhận và xử lý 6.747 hồ sơ. Đã giải quyết là 6.672 hồ sơ, trong đó giải quyết trước hạn là 6.461 hồ sơ (**tỷ lệ 99,2%**), giải quyết quá hạn là 54/6.671 (**tỷ lệ 0,8**), từ chối giải quyết 82 hồ sơ và 75 hồ sơ xin rút. Đang giải quyết (trong hạn) là 58 hồ sơ, yêu cầu bổ sung 17 hồ sơ, không có hồ sơ quá hạn.

- Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính là 6.442/6.486 hồ sơ (**tỷ lệ 99,32%**), hồ sơ tái sử dụng lại dữ liệu số hóa là 4.767 hồ sơ (**tỷ lệ 72,68%**).

- Hiện nay, việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên quan đến doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành các quyết định về thủ tục hành chính, quy trình nội bộ và niêm yết công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, Trung tâm Phục vụ hành chính công đã thực hiện niêm yết công khai.

- Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổng hợp, niêm yết công khai các thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định ban hành liên quan đến tất cả các Sở và Ban quản lý khu kinh tế thành phố Hải Phòng.

- Một số ứng dụng, tiện ích khác:

Về phần mềm đang triển khai gồm: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố (phần mềm một cửa), phần mềm kế toán misa, phần mềm biên lai điện tử, phần mềm hộ tịch, ... các phần mềm được liên kết, liên thông thông suốt, không bị nghẽn, hoạt động đảm bảo cung cấp dịch vụ.

Về hạ tầng phần cứng: Trung tâm Phục vụ hành chính công đã trang bị đầy đủ máy tính cấu hình cao, win 11 bản quyền, trang bị phần mềm diệt virus bản quyền; các phần mềm được cài đặt và sử dụng liên thông, hiệu quả; trang bị đầy đủ máy in, máy scan, máy phô tô; thực hiện tách riêng mạng wifi dùng riêng cho công dân đến giao dịch; bố trí 02 máy tính cho công dân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến.

Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các cơ quan, Trung tâm dịch vụ công niêm yết, tuyên truyền công khai các thủ tục hành chính, cách thức nộp dịch vụ công trực tuyến trên hệ thống <https://dichvucong.gov.vn>, cung cấp số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận xử lý các kiến nghị, phản ánh trực tiếp, trên cổng dịch vụ công quốc gia và hướng dẫn công dân nộp trực tuyến để giảm bớt thời gian, kinh phí cho người dân và doanh nghiệp.

b. Việc ứng dụng chuyển đổi số phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp

Các ứng dụng đã và đang được triển khai hiệu quả trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại địa phương như: Phần mềm Văn phòng điện tử (HPnet), Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến),

... Từ đó Ủy ban nhân dân xã ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị dựa trên kết quả theo dõi, thống kê từ hệ thống⁸.

c. Chuyển đổi số theo Kế hoạch số 02 tại xã

Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng và ban hành kế hoạch hoặc văn bản hướng dẫn chi tiết để triển khai Kế hoạch 02 tại địa phương. Kết quả cụ thể:

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được đồng bộ, thống nhất trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố.

- Hoàn thành việc lựa chọn, cấu hình, nâng cấp và kết nối, tích hợp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục của thành phố với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Đã nâng cấp, cấu hình các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành (hệ thống họp trực tuyến; quản lý văn bản và hồ sơ công việc; thư điện tử; thông tin báo cáo; quản lý cán bộ; cổng thông tin điện tử...) để đáp ứng mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Thực hiện cung cấp ít nhất 25 dịch vụ công trực tuyến toàn trình đã tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định

- Cung cấp các dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã theo quy định

- Bố trí trụ sở, trang thiết bị, phân công lãnh đạo, nhân lực, hạ tầng mạng; thiết lập và vận hành ổn định Trung tâm phục vụ hành chính công của xã theo mô hình chính quyền mới, đảm bảo phục vụ người dân - doanh nghiệp liên tục, không gián đoạn.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm về thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện chỉ đạo của thành phố về rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính⁹, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các Phòng chuyên môn tổ chức thực hiện cắt giảm thời gian, thành phần hồ sơ và niêm yết trong các quy trình thực hiện trên hệ thống <https://motcua.haiphong.gov.vn> và <https://dichvucong.gov.vn>. Việc giải quyết được thực hiện lưu kho dữ liệu thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết để thực hiện tra cứu, tái sử dụng cho các lần thực hiện thủ tục hành chính sau này.

Đồng thời, chủ động rà soát, cấu trúc lại quy trình giải quyết thủ tục hành chính, tập trung vào các dịch vụ công trực tuyến có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến thấp. Qua đó từng bước bảo đảm nguyên tắc “người dân, doanh nghiệp chỉ khai báo thông tin một lần”. Đồng thời, xã đã đề xuất bố trí kinh phí, từng bước đầu tư, nâng cấp hạ

⁸ Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy

⁹ Quyết định số 3606/QĐ-UBND, ngày 03/9/2025 về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng

tăng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ hoạt động của Bộ phận Một cửa, bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu.

Công tác rà soát, bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và hạ tầng mạng được triển khai nghiêm túc theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP. Về cơ bản, xã Kiến Thụy được kế thừa cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin từ huyện Kiến Thụy cũ, đặc biệt là trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công khang trang hiện đại¹⁰, đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ người dân, doanh nghiệp trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

3. Tồn tại, hạn chế

a. Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Một số chỉ tiêu chuyển đổi số và xã hội số chưa đạt yêu cầu; tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử còn thấp so với mục tiêu.

- Nguồn lực đầu tư cho hạ tầng số, hoạt động đào tạo, tuyên truyền còn hạn chế; tốc độ mạng ở một số khu vực chưa ổn định.

- Một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi, lao động nông nghiệp còn hạn chế về kỹ năng số, chưa hình thành thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

b. Về ứng dụng chuyển đổi số phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp

Việc ứng dụng chuyển đổi số phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và chính quyền của xã đã đi vào nề nếp, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Ủy ban nhân dân xã đã quan tâm đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo cho cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ công vụ; các hệ thống thông tin đã được kết nối, chia sẻ phát huy giá trị của dữ liệu; cán bộ, công chức đã nhận thức về số hoá dữ liệu và thực hiện chuẩn hóa để thích ứng với các công nghệ mới (AI-trí tuệ nhân tạo).

4. Nguyên nhân

- Hạ tầng thiết bị, máy móc đã được đầu tư từ lâu, hiện nay một số máy móc đã cũ, chạy chậm; nguồn lực tài chính để duy tu, sửa chữa cũng như đầu tư trang thiết bị hiện đại còn hạn chế.

- Đã số người dân đến thực hiện thủ tục hành chính là người lớn tuổi nên khả năng tiếp thu và ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế.

- Còn một bộ phận nhỏ cán bộ, công chức vẫn còn thói quen, cách làm cũ, chưa ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số.

¹⁰ Diện tích 175,5 m² với đầy đủ thiết bị: Kiosk lấy số thứ tự tự động, Màn hình hiển thị số thứ tự tập trung, Màn hình hiển thị số thứ tự tại quầy, Hệ thống Loa thông báo số thứ tự, Kiosk tra cứu thông tin kết hợp đánh giá chất lượng phục vụ, Bàn nộp hồ sơ trực tuyến, Ghế ngồi chờ cho công dân.

IV. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Về thúc đẩy các mô hình hợp tác 3 Nhà¹¹ và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đô thị thông minh¹²: đây là một nhiệm vụ lớn cần sự vào cuộc của các Bộ, ngành Trung ương và Thành phố. Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân xã tiếp tục bám sát chỉ đạo của cấp trên, từng bước triển khai hiệu quả mô hình trong phạm vi và phù hợp với điều kiện, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

V. VỀ BẢO ĐẢM KINH PHÍ CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Tình hình giải ngân vốn cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Trong năm 2025, Ủy ban nhân dân đã bố trí kinh phí là 540 triệu đồng để đầu tư hệ thống truyền thanh không dây hiện đại tại các thôn: Úc Gián, Xuân Úc, Hòa Liễu (15 cụm loa), 30 triệu đồng để sửa chữa, duy tu trang thiết bị tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Về dự toán ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026, Ủy ban nhân dân đã có Công văn số 1093/UBND-VHXXH ngày 06/10/2025, Công văn số 1158/UBND-VHXXH ngày 10/10/2025 gửi Sở Khoa học và Công nghệ thành phố tổng hợp đề báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Tồn tại, hạn chế

Trong năm 2025, kinh phí dành cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã còn hạn chế, chủ yếu lồng ghép trong các khoản chi thường xuyên.

3. Nguyên nhân

Chưa có nguồn vốn sự nghiệp riêng hoặc cơ chế khoán chi cho nhiệm vụ chuyển đổi số cơ sở. Việc huy động xã hội hóa, hợp tác công - tư chưa đạt yêu cầu. Ủy ban nhân dân xã kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét bổ sung định mức chi, hướng dẫn cơ chế tài chính riêng cho các hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã, đồng thời cho phép thí điểm lồng ghép nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện các nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW và Thông báo 45-TB/TGV.”

C. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị các cấp, các ngành Trung ương và Thành phố tiếp tục quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, bố trí nguồn lực, tạo điều kiện cho xã thực hiện hiệu quả Nghị quyết

¹¹ Mô hình hợp tác 3 nhà: “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp”, là bước đi đặt nền móng vững chắc đầu tiên để đưa Nghị quyết số 57-NQ/TW đi vào cuộc sống

¹² Nhiệm vụ được phân công chi tiết tại Thông báo kết luận số 45-TB/TGV, ngày 30/9/2025

số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; kịp thời tháo gỡ khó khăn về cơ chế tài chính, nhân lực và hạ tầng, giúp cấp cơ sở chủ động, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện, thực chất.

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy về tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản liên quan tính đến ngày 20/11/2025./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy;
- Văn phòng Đảng ủy;
- CT, PCT Nguyễn Thị Hồng Vân;
- CVP, PCVP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng Vân